

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VỊ THỦY  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-ST  
Ngày 27/5/2022  
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Quách Thị Mỹ Trúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Tiến Dũng

2. Bà Trần Thị Bé Ngọc

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Trung Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy tham gia phiên tòa:***  
Lê Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2022, tại trụ sở TAND huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2021/TLST-DS, ngày 12/11/2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-DS, ngày 06/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐST-DS ngày 28/4/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp A, xã Vị Đ, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp A, xã Vị Đ, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Bùi Văn K

Địa chỉ: ấp A, xã Vị Đ, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

3.2. Bà Dương Lệ T

Địa chỉ: ấp A, xã Vị Đ, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2021 nguyên đơn ông Đỗ Văn T trình bày:

Vào ngày 07/8/2020 âm lịch ông có cho bà Nguyễn Thị L vay 10 chỉ vàng 24k, loại 99,99%, lúc vay thỏa thuận trả lãi 1.000.000 đ/tháng/10 chỉ, không thỏa thuận thời hạn thanh toán. Lúc vay bà L có làm giấy tay cho ông, khi bà L hỏi vay thì ông có yêu cầu bà L điện thoại cho chồng bà L là ông Bùi Văn K biết và ông K có thống nhất việc bà L vay vàng. Sau khi vay bà L đóng lãi được 04 tháng là 4.000.000 đ, sau đó không đóng lãi nữa. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L trả cho tôi 10 chỉ vàng 24k loại 99,99%, không yêu cầu tính lãi. Ông không yêu cầu ông K trả nợ.

Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà không nhớ rõ thời gian, bà chỉ nhớ có vay của ông T 10 chỉ vàng 24k, loại 99,99%. Lãi suất 1.200.000 đ/tháng, sau đó bà có trả dần nên tiền lãi cũng giảm, bà đóng lãi đầy đủ đến tháng 02/2021, bà không nhớ đã đóng lãi bao nhiêu tiền, bà không đóng lãi từ tháng 2/2021 đến nay. Lúc vay không thỏa thuận thời hạn thanh toán, bà có viết giấy tay cho ông T. Bà đã trả gốc cho ông T 02 lần tổng cộng là 06 chỉ, bà trả trực tiếp cho ông T 05 chỉ, trả cho vợ ông T 01 chỉ, lúc trả không có làm giấy tờ, không có ai chứng kiến. Việc vay vàng của ông T là bà lén chồng tôi đi vay. Hơn 01 năm sau khi vay chồng bà mới biết và có la bà ngoài ra không có nói gì thêm.

Ông T có yêu cầu bà trả đủ 01 lần 04 chỉ còn nợ, nếu không ông T sẽ thừa nợ 10 chỉ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà không trả được. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà trả dần dần số vàng còn nợ là 04 chỉ.

Bà tự nguyện chịu trách nhiệm trả nợ cho ông T, không yêu cầu chồng bà là ông Bùi Văn K có trách nhiệm trả cùng bà.

Tại biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Lệ T trình bày: Bà là vợ của ông Đỗ Văn T bà thống nhất để ông T đứng đơn khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị L. Bà không có nhận vàng của bà Nguyễn Thị L.

Đối với ông Bùi Văn K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã nộp bản sao chứng minh

nhân dân, bản tự khai, bản sao sổ hộ khẩu, xác nhận thông tin cư trú, giấy tay nhận nợ. Các bị đơn không nộp tài liệu chứng cứ nào.

Tại phiên tòa, ông Đỗ Văn T giữ nguyên yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị L trả 10 chỉ vàng 24k loại 99,99%. Bà Dương Lệ T trình bày: Bà thống nhất để ông Đỗ Văn T đứng ra khởi kiện, bà không có ý kiến gì. Bà và ông T cùng cho vay nhưng biên nhận bà L ghi vay của chị Bảy T là tên của bà.

Kiểm sát viên phát biểu về việc thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của các bên đương sự là đúng pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về án phí các đương sự phải chịu theo luật định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L và ông Bùi Văn K theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn T yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả lại 10 chỉ vàng 24k bà L hỏi mượn nhưng quá trình thụ lý Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản là không phù hợp nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy theo quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung khởi kiện: Xét thấy ông Đỗ Văn T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả 10 chỉ vàng còn nợ. Để chứng minh cho yêu cầu của mình ông T cung cấp giấy tay do bà L viết. Bà L thừa nhận có vay vàng của ông T nên có đủ cơ sở xác định việc ông T cho bà L vay 10 chỉ vàng 24k là có căn cứ. Tuy nhiên bà L cho rằng có trả cho ông T 05 chỉ, trả cho bà Thủy là vợ ông T 01 chỉ nhưng không được ông T và bà Thủy thừa nhận, bà Luô 1 cũng không có chứng cứ chứng minh. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh bà Nguyễn Thị L phản bác yêu cầu của ông Đỗ Văn T thì bà Nguyễn Thị L phải cung cấp chứng cứ chứng minh cho sự phản bác đó. Xét thấy

việc bà L cho rằng có trả được 06 chỉ nhưng không chứng minh được bà L phải chịu hậu quả cho việc không chứng minh được.

Đối với ông Bùi Văn K là chồng của bà L nhưng nguyên đơn là ông T không yêu cầu ông K trả nợ và bà L cũng tự nguyện chịu trách nhiệm trả nợ cho ông T. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm trả nợ của ông Bùi Văn K.

[4]. Về án phí: áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí đối với yêu cầu được Tòa án chấp nhận.

Các đương sự còn được kháng cáo theo luật định;

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 5, 6, 26, 35, 39, 91, 147, 273, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự 2015

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T. Buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Văn T 10 (mười) chỉ vàng 24K loại 99,99%.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 2.737.500 đ (*Hai triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng*). Ông Đỗ Văn T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu tiền số 0002591 ngày 12/11/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành án phí, nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Công TTĐT Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Quách Thị Mỹ Trúc**